

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN G-TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 31/7/2020

*V/v không công nhận quan hệ vợ chồng*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH BẮC NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Minh Nguyệt;

*Hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Huy Nhạ và ông Hoàng Đăng Đán

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thế Cường, Thẩm tra viên Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G:** Bà Vũ Thị Huyền, Kiểm sát viên.

Ngày 31/7/2020, tại Tòa án huyện G, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 77/2020/TLST-HNGĐ ngày 30/6/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/7/2020 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị B, sinh năm 1970; HKTT: Khu dân cư GT, phường TD, thành phố CL, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thiết S, sinh năm 1964; HKTT: Thôn T, xã VN, huyện G, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, các bản khai, nguyên đơn là bà Ngô Thị B trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Thiết S được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương ngày 10/02/1990 âm lịch. Từ đó đến nay ông bà chưa đăng ký kết hôn tại đâu. Sau ngày cưới tình cảm vợ chồng ông bà bình thường.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh vì vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2000 đến nay. Khi ly thân bà về sinh sống tại CL, Hải Dương. Ông S sống tại VN, huyện G, tỉnh Bắc Ninh. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ nên bà đề nghị tòa án tuyên bố ông bà không phải là vợ chồng.

Con chung: Bà B xác định ông bà có 02 con chung là Nguyễn Thiết D, sinh ngày 13/12/1990 (Tên gọi khác là Đỗ Thái D. Anh D mang họ Đỗ vì bà cho làm con nuôi của vợ chồng chị gái bà sau đó họ khai sinh cho anh D họ tên là Đỗ Thái D. Hiện anh D có 02 giấy khai sinh với 2 họ khác nhau, tên hai bố mẹ khác nhau là vì vậy) và Nguyễn Thiết Đ, sinh ngày 29/01/1995. Hiện hai con đã trên

18 tuổi và có công ăn việc làm ổn định nên bà không đề nghị tòa án xem xét giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Bị đơn là ông Nguyễn Thiết S trình bày:* Ngày 10/02/1990 âm lịch, ông và bà Ngô Thị B, sinh năm 1970 tại CL, Hải Dương được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Từ đó đến nay ông bà chưa đăng ký kết hôn tại đâu. Sau ngày cưới tình cảm vợ chồng bình thường.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh vì vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2000 đến nay. Khi ly thân ông sống tại VN, bà B về quê ngoại sinh sống. Nay ông thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ nên bà B đề nghị tòa án tuyên bố ông bà không phải là vợ chồng ông đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Con chung: Ông xác định ông bà có 02 con chung là Nguyễn Thiết D, sinh ngày 13/12/1990 (Tên gọi khác là Đỗ Thái D. Cháu mang họ khác vì bà B mang cháu đi nơi khác sinh sống, nuôi dưỡng từ khi ông bà ly thân. Anh D ở với chị gái của bà B nên được khai sinh họ Đỗ để tiện học hành) và Nguyễn Thiết Đ, sinh ngày 29/01/1995. Hiện hai con đã trên 18 tuổi và có công ăn việc làm ổn định nên ông không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, công nợ: không đề nghị Tòa án giải quyết

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án là đúng quy định pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Các Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án; xét xử:

- Không công nhận bà Ngô Thị B và ông Nguyễn Thiết S là vợ chồng.
- Con chung, tài sản, công nợ: các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Ngô Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Nguyễn Thiết S là quan hệ pháp luật về tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc

trường hợp không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Nguyễn Thiết S có hộ khẩu thường trú tại xã VN, huyện G, tỉnh Bắc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án huyện G thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Bà Ngô Thị B vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt. HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2]. Quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị B và ông Nguyễn Thiết S tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Quá trình chung sống giữa ông bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Năm 2000 ông bà sống ly thân đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, thời gian sống ly thân đã lâu nên bà Ngô Thị B có đơn đề nghị Tòa án không công nhận bà với ông Nguyễn Thiết S là vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh tại nơi bà B và ông S đăng ký hộ khẩu thường trú đều xác định không có trường hợp nào tên Ngô Thị B, sinh năm 1970 và Nguyễn Thiết S, sinh năm 1964 đăng ký kết hôn tại địa phương.

Tại khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp quy định: *“Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình”*.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng”*. Bà B đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với ông S là có căn cứ nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B, tuyên bố không công nhận bà Ngô Thị B và ông Nguyễn Thiết S là vợ chồng.

Con chung: Bà B và ông S xác định có 02 con chung là Nguyễn Thiết D, sinh ngày 13/12/1990 (Tên gọi khác là Đỗ Thái D) và Nguyễn Thiết Đ, sinh ngày 29/01/1995. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh việc đăng ký khai sinh của Nguyễn Thiết D tại TD, CL, Hải D. Qua xem xét sổ khai sinh lưu giữ từ năm 1990 không có trường hợp nào là Nguyễn Thiết D được khai sinh tại TD. Tuy nhiên, chữ ký và dấu trên giấy khai sinh được xác định là của chữ ký của

lãnh đạo và đầu của xã TD. Hiện hai con đã trên 18 tuổi và có công ăn việc làm ổn định. Ông bà không đề nghị tòa án xem xét giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng con chung là có cơ sở nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Tài sản, công nợ các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[3]. Án phí: Bà Ngô Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu về điều luật áp dụng và đường lối xử lý là phù hợp pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 91, 144, 147, 228; 235, 239, 248, 249, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 14, 15, 53 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Không công nhận bà Ngô Thị B và ông Nguyễn Thiết S là vợ chồng.

2. Con chung, tài sản, công nợ không xem xét giải quyết

3. Án phí: Bà Ngô Thị B phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm; được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001851 ngày 30/6/2020, của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh Bắc Ninh;
- VKS và THADS huyện G;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Vũ Thị Minh Nguyệt**

